

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/FES(VN)/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (0274).3767188 – 3767168 Fax: (0274).3767128.

Website: www.maccoffee.vn.

Mã số doanh nghiệp: 3700605006

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

Ngày Cấp/Nơi cấp: Không áp dụng.

Cơ sở đã có Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 (có giá trị đến ngày 17/8/2026) và Giấy chứng nhận HACCP (có giá trị đến ngày 17/8/2026), được nộp kèm theo Bản tự công bố sản phẩm này.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: MacCereal Ngũ cốc dinh dưỡng Canxi.

2. Thành phần: Bột kem [siro glucose, dầu thực vật hydro hóa, protein sữa, natri caseinat, chất nhũ hóa (471), chất ổn định (340(ii)), chất chống đông vón (551)], đường, vảy ngũ cốc (21 %) [bột mì, bột gạo, tinh bột bắp hoặc tinh bột khoai mì, bột đậu nành, malt chiết xuất, siro glucose, muối ăn, đường], maltodextrin, canxi sữa, hương liệu tổng hợp, muối.

Thông tin dị ứng: sản phẩm có chứa gluten, đậu nành, sữa.

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì.
- Ngày sản xuất (NSX): 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong màng ghép phức hợp thành từng gói 28 g với các quy cách như sau:

- Gói có khối lượng tịnh: 28 g.
- Túi có khối lượng tịnh: 560 g (20 gói x 28 g).



- Thùng giấy có khối lượng tịnh: 16,8 kg (30 túi x 560 g).
- Thùng giấy có khối lượng tịnh: 16,8 kg (600 gói x 28 g).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): không có.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.6; 2.2; 4.4; 5.3).
- QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 2.18; 3.18; 4.13).

2. Thông tư các Bộ ngành:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

3. Các tiêu chuẩn khác: theo Tiêu chuẩn số 08/FES(VN)/2025 ngày 10/03/2025 (Tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.



Bình Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Chinthaka Prabath Nanayakkara
Giám đốc khối sản xuất và vận hành

CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM	Số: 08/FES(VN)/2025
Thực phẩm bổ sung	MACCEREAL NGŨ CỐC DINH DƯỠNG CANXI	Ngày: 10/03/2025

1. Phạm vi:

Áp dụng cho sản phẩm MacCereal Ngũ cốc dinh dưỡng Canxi.

2. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

2.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^4
2	Tổng số Coliforms	cfu/g	10
3	Escherichia coli	cfu/g	Không được có
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10
5	Bacillus cereus	cfu/g	10
6	Clostridium perfringens	cfu/g	10
7	TS bào tử nấm men - mốc	cfu/g	10^2



2.2. Các chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp với QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 2.18; 3.18; 4.13)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,1

2.3. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm: Phù hợp với QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.6; 2.2; 4.4; 5.3)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750
5	Zearalenone	µg/kg	75

3. Yêu cầu về dinh dưỡng:

3.1. *Yêu cầu dinh dưỡng chính:* Phù hợp với Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố có trong 100 g	Mức tối thiểu có trong 100 g (*)
1	Năng lượng	kcal	434	303,80
2	Chất đạm	g	3,05	2,135
3	Carbohydrat	g	77,7	54,39
4	Đường tổng số	g	30,2	21,14
5	Chất béo	g	11,6	8,12
6	Natri	mg	317	221,90



Ghi chú (*): Giá trị thực không thấp hơn 70 % giá trị công bố trên nhãn.

3.2. *Yêu cầu dinh dưỡng khác:*

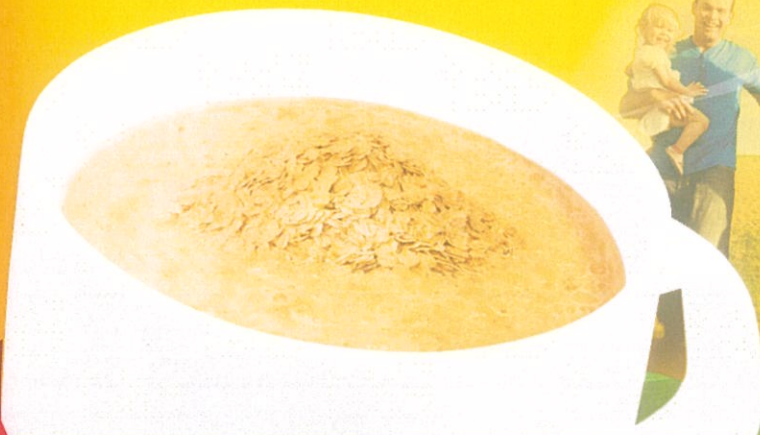
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố có trong 100 g	Mức tối thiểu có trong 100 g (*)
1	Hàm lượng canxi	mg	126	88,20

Ghi chú (*): Giá trị thực không thấp hơn 70 % giá trị công bố trên nhãn.

Túi có khối lượng tịnh: 560 g (20 gói x 28 g) : Mặt trước

MacCereal®

Ngũ Cốc Dinh Dưỡng



Canxi

THƯƠNG HIỆU SINGAPORE



Original

Khối lượng tịnh: 560 g

20 gói x 28 g

**THỰC PHẨM
BỔ SUNG**



Túi có khối lượng tịnh: 560 g (20 gói x 28 g) : Mặt sau

MacCereal®

Ngũ Cốc Dinh Dưỡng



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa



Ngũ cốc dinh dưỡng MacCereal được làm từ hạt lúa mạch hảo hạng cùng với nguồn Canxi từ sữa, giúp cho xương chắc khỏe và ngăn ngừa loãng xương. Sự kết hợp giữa lúa mạch, bắp, gạo và sữa mang đến cho bạn và cả gia đình một loại thức uống dinh dưỡng và thơm ngon mọi lúc, mọi nơi.



Hướng dẫn sử dụng:

Đổ 1 gói bột ngũ cốc MacCereal vào ly.



Rót vào 140 ml nước nóng và khuấy đều.
Một ly ngũ cốc thơm ngon, đầy dinh dưỡng đã sẵn sàng cho bạn thưởng thức.

SẢN XUẤT VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM HÀNG HÓA BỞI: CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Số 11, đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore,
P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (+84) 274 3767 188

Fax: (+84) 274 3767 128

Theo nhượng quyền của:

FUTURE ENTERPRISES PTE. LTD.

(A member of Food Empire Holdings Limited)

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	434 kcal	22%
Chất đạm	3,05 g	6%
Carbohydrat	77,7 g	24%
Đường tổng số	30,2 g	
Chất béo	11,6 g	21%
Natri	317 mg	16%
Canxi	126 mg	13%

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỉ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.

Công dụng: Bổ sung dinh dưỡng canxi từ sữa.

Đối tượng sử dụng: Phù hợp với người lớn và trẻ em từ 3 tuổi trở lên.

Liều dùng khuyến nghị: Mỗi ngày dùng từ 3 - 4 gói.

Thành phần: Bột kem [siro glucose, dầu thực vật hydro hóa, protein sữa, natri caseinat, chất nhũ hóa (471), chất ổn định (340(ii)), chất chống đông vón (551)], đường, vảy ngũ cốc (21 %) [bột mì, bột gạo, tinh bột bắp hoặc tinh bột khoai mì], bột đậu nành, malt chiết xuất, siro glucose, muối ăn, đường], maltodextrin, canxi sữa, hương liệu tổng hợp, muối.

Thông tin dị ứng: sản phẩm có chứa gluten, đậu nành, sữa.

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

HSD: Xem trên bao bì.

NSX: 24 tháng trước HSD.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

HSD:

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM



8 936024 241605

P2ML-CL31E0-VN251

Quality Product of





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NA9J2411150586

Mã số mẫu : 743-2024-00171183

Mã số Eol :

005-32410-360352

Tên mẫu :

MacCereal Ngũ cốc dinh dưỡng Canxi

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

15/11/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 21/11/2024

Thời gian thử nghiệm :

16/11/2024 - 21/11/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD331 VD (a) <i>Bacillus cereus</i> giả định	cfu/ g	ISO 7932:2004 Amd. 2020	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
9	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
10	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
11	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
12	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
13	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
14	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)
15	VD1LA VD (a) Deoxynivalenol	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5626 (Ref. BS EN 15791:2009)	Không phát hiện (LOD=100)
16	VD066 VD (a) Zearalenon	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3452 (Ref. EN 15850:2010)	Không phát hiện (LOD=5)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



AR-24-VD-174543-01-VI / EUVNHC-00303943- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 18/12/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 18/12/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sack Ky Hai Dang xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sack Ky Hai Dang.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VIAS 238.





AR-24-VD-174613-01-VI / EUVNHC-00303943- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NA9J2411150586

Mã số mẫu : 743-2024-00171181

Mã số Eol :

005-32410-360350

Tên mẫu :

MacCereal Ngũ cốc dinh dưỡng Canxi

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

15/11/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 21/11/2024

Thời gian thử nghiệm :

17/11/2024 - 21/11/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDERJ VD Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003; AOAC 991.43	77.7
2	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	2.13
3	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	3.05
4	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	11.6
5	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	2.03
6	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	3.47
7	VD9T0 VD Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	434
8	VD304 VD Đường tổng	g/ 100 g	Internal method (EVN-R-RD-2-TP-4978) (Ref. AOAC 977.20)	30.19
9	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	3170



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 18/12/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 18/12/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





AR-24-VD-174364-01-VI / EUVNHC-00303943- Trang : 1 / 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : NA9J2411150586

Mã số mẫu : 743-2024-00171182

Mã số Eol :

005-32410-360351

Tên mẫu :

MacCereal Ngũ cốc dinh dưỡng Canxi

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

15/11/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 21/11/2024

Thời gian thử nghiệm :

17/11/2024 - 19/11/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD128 VD (a) Canxi (Ca)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3507 (Ref. AOAC 968.08 (2011))	1260

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 18/12/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 18/12/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



Mã số mẫu / Sample code Nr.: 743-2024-00171181 & 743-2024-00171182
Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-24-VD-174613-01 & AR-24-VD-174364-01 /
EUVNHC-00303943

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	434	kcal	22%
Chất đạm (Protein)	3.05	g	6%
Carbohydrate	77.7	g	24%
Đường tổng số (Total Sugars)	30.2	g	
Chất béo (Fat)	11.6	g	21%
Natri (Sodium)	317	mg	16%
Canxi (Calcium)	126	mg	13%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.			

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample.The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.